

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 902/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-8-2020  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Võ Hồng T, sinh năm: 1985; Thường trú: 86/6A ấp A, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1981; Thường trú: 86/6A ấp A, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2019, bản tự khai ngày 05/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Hồng T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau, cả hai có tổ chức lễ cưới năm 2008, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 01/2009 ngày 09/10/2009.

Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung tại 86/6A ấp A, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu

thuần. Các mâu thuẫn diễn ra thường xuyên và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, có xảy ra xô xát, ông D thường xúc phạm đến ba mẹ của bà. Cả hai đã sống ly thân được 02 năm, bà đã cho ông D cơ hội hàn gắn nhưng ông D không thay đổi.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống với nhau nên bà đề nghị ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim V, sinh ngày 27/11/2009; Nguyễn Thanh D, sinh ngày 05/9/2013. Sau khi ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Kim V và Thanh D, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhiều lần triệu tập hợp lệ đến Tòa án và tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Hồng T khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Văn D, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Nguyễn Văn D là bị đơn có nơi cư trú tại 86/6A ấp A, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Võ Hồng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà T và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy

ban nhân dân xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 01/2009 ngày 09/10/2009 nên hôn nhân giữa bà Võ Hồng T và ông Nguyễn Văn D là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông D có mâu thuẫn xảy ra dẫn đến việc sống ly thân thời gian dài. Trong thời gian ly thân, hai bên không gặp nhau để hòa giải, hàn gắn. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Bản thân bà T không còn yêu thương, không còn muốn tiếp tục chung sống, kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông D không đến Tòa để làm việc, thể hiện bản thân ông không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T. Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Hồng T là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim V, sinh ngày 27/11/2009; Nguyễn Thanh D, sinh ngày 05/9/2013. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Tại bản tự khai lập ngày 05/3/2020, trẻ Nguyễn Thị Kim V có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Hiện tại cả 02 trẻ cũng đang do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Hồng T tạm thời không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm : Nguyên đơn bà Võ Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Hồng T và ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 trẻ Nguyễn Thị Kim V, sinh ngày 27/11/2009 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 05/9/2013 cho bà Võ Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

2.2. Bà Võ Hồng T tạm thời không yêu cầu ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Võ Hồng T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0074382 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã C, huyện D (Giấy CN kết hôn số 119, quyển số 01/2009, ngày 09/10/2009);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thương**

